

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HS-ST
Ngày 07/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy

Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm Sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Hữu V, sinh năm: 1978 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; con ông: Lê Hữu N, sinh năm: 1940 và con bà Đinh Thị Đ, sinh năm: 1942; có vợ Đinh Thị L, sinh năm 1989 và có 02 con, con lớn, sinh năm 2012 và nhỏ sinh năm 2013; nhân thân ngày 17/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 28/7/2017 chấp hành xong hình phạt; bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2017 - Có mặt.

Những người bị hại:

- Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1967 - vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đăk Nông

- Anh Lê Tiến B, sinh năm 1984 – vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Hữu Vinh bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 9 giờ ngày 31/10/2005 Lê Hữu V rủ Phan Sỹ B đến nhà nhà bạn cùng quê của Bé là Trịnh Xuân T địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ cũ (nay là huyện T), tỉnh Đắk Nông chơi. Khi đi V mang theo 01 vạm phá khóa loại kim loại chiều dài khoảng 18- 20 cm mục đích lợi dụng sự sơ hở để trộm cắp xe máy.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/11/2005 khi đang uống rượu cùng Trịnh Xuân T, V mượn xe của T chở B đi trộm cắp xe máy, do xe không có giấy tờ nên T đề nghị để Thảo chở V đi. Thảo điều khiển xe mô tô Deram II hiệu Trung Quốc, không có biển kiểm soát chở V đi theo hướng xã Quảng Trực, V nói với Thảo nếu chỗ nào sơ hở thì đi chậm lại để V nhảy xuống xe lấy trộm. Khi đi ngang qua khu vực xã Đ, V phát hiện trước sân nhà ông Nguyễn Đình V trú tại thôn 3, xã Đ có dựng 02 chiếc mô tô. V vỗ vai T bảo chạy chậm lại, V xuống xe đi bộ vào sân nhà ông V dùng vạm phá khóa mang theo mở khóa xe mô tô hiệu MAJESTY mang biển kiểm soát 34F5-9600 của ông V. Sau đó V điều khiển xe đi theo hướng thị trấn K còn T quay về nhà chở B ra thị trấn K cả 3 gặp nhau ở quán cà phê Nhạc trẻ tại khối 1, thị trấn K để bàn bạc tìm nơi cất giấu xe. Cuối cùng thống nhất B chở V về nhà bác của B ở Đồng Xoài cất giấu, sau đó B đưa cho T 20.000đồng để xăng để T đi về nhà rồi cùng V đi từ thị trấn K về Bình Phước. Khi đi đến khu vực khối 6, thị trấn K V xuống xe và dặn B đi chậm phía trước V đi bộ vào sân nhà ông Nguyễn Văn Đ dùng vạm phá khóa để mở khóa chiếc xe mô tô WAVINA mang biển kiểm soát 36K9-6797 của anh Lê Tiến B đang dựng trước nhà ông Đ. Trộm cắp được xe, V điều khiển xe mô tô vượt xe của B đi theo hướng Bình Phước. Khi đến khu vực trạm thu phí số 3 tại xã Đ gặp lực lượng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh kiểm tra V rẽ vào hướng đường đất cạnh đó rồi bỏ xe lại chạy trốn, còn B bị Công an bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ được bao gồm: 01 Chiếc xe mô tô hiệu MAJESTY mang biển kiểm soát 34F5-9600 số máy FMGIA00044776, số khung CGI38YA022222; 01 Chiếc xe mô tô WAVINA mang biển kiểm soát 36K9-6797, số máy 152MH000983, số khung ĐCH0G4AV000983; 01 xe máy hiệu Dream II trung quốc không biển kiểm soát. Số máy 30044525; 01 điện thoại di động Nokia 6200

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 06/12/2005 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, kết luận: Chiếc xe mô tô WAVINA mang biển kiểm soát 36K9-6797 trị giá 8.000.000đồng; chiếc xe mô tô hiệu MAJESTY mang biển kiểm soát 34F5-9600 trị giá 4.800.000đồng. Tổng trị giá tài sản: 12.800.000đ (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng số 43/2017/Ctr-VKS ngày 24/7/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lê Hữu V về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà bị cáo Lê Hữu V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và khẳng định quyết định truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xem xét, đánh giá các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Hữu V từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2006/HSST ngày 19/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ và bản án hình sự phúc thẩm số: 51/2006/HSPT ngày 12/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Hữu V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã công bố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, những người bị hại, các chứng cứ, tài liệu đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 18 giờ 30 phút đến 22 giờ ngày 01/11/2005, lợi dụng sự sơ hở nên bị cáo Lê Hữu V đã có hành vi lén lút cùng Phan Sỹ B và Trịnh Xuân T trộm cắp xe mô tô hiệu MAJESTY mang biển kiểm soát 34F5-9600 của ông Nguyễn Văn V và xe mô tô WAVINA mang biển kiểm soát 36K9-6797 của anh Lê Tiến B, tổng trị giá tài sản của bị cáo chiếm đoạt tại thời điểm năm 2005 là 12.800.000đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Lê Hữu V đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi của bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển được mọi hành vi của mình, pháp luật buộc bị cáo phải biết quyền sở hữu hợp pháp về tài sản luôn được bảo vệ. Nhưng với ý thức coi thường pháp luật mà bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này bị cáo cùng với Phan Sỹ B và Trịnh Xuân T tham gia với vai trò đồng phạm, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, bị cáo V đã có 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và thực hành tích cực. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Nhân thân bị cáo thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2005 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại huyện H, tỉnh Hà Tĩnh sau đó bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 01/11/2005 tiếp tục phạm tội tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sau đó bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 28/10/2015 bị cáo ra đầu thú tại Công an huyện H và 17/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” đến ngày 28/7/2017 chấp hành xong hình phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm tương xứng với

tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới bảo đảm được mục đích của hình phạt.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với hành vi của Phan Sỹ B và Trịnh Xuân T đã được xét xử tại bản án hình sự phúc thẩm số: 51/2006/HSPT ngày 12/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2006/HSST ngày 19/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ và bản án hình sự phúc thẩm số: 51/2006/HSPT ngày 12/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông nên không đề cập.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hữu V 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/7/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng vụ án: Đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 19/2006/HSST ngày 19/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đ và bản án hình sự phúc thẩm số: 51/2006/HSPT ngày 12/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Hữu V phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Công an huyện Đắk R'Lấp;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài